

vụ phục vụ cho xã viên, gia đình các xã viên hợp tác xã và cả nhân dân trong thôn. Công tác chủ yếu là vệ sinh phòng bệnh, vì vậy cán bộ y tế đó không thoát ly sản xuất. Thôn nào có cán bộ y tế đã được đào tạo từ 3 đến 6 tháng rồi, thì các hợp tác xã không cần cử người đi học nữa, mà sử dụng cán bộ y tế đó để phục vụ cho hợp tác xã và nhân dân trong thôn.

3. Các xã miền núi, vì địa lý quá rộng, cho nên người cán bộ y tế trong các hợp tác xã của bản, Mường phải kiêm cả hộ sinh; ngoài nhiệm vụ phòng bệnh, chữa bệnh thông thường ra, phải thăm thai, đỡ đẻ cho chị em trong bản, Mường của mình. Cho nên nếu có thể thì lựa phụ nữ trung niên cho đi học để làm cán bộ y tế trong hợp tác xã miền núi. Việc dài thọ cho người đi học do ngân sách tỉnh chịu một phần và một phần do nhân dân đóng góp.

4. Trong mỗi thôn ở đồng bằng cũng như ở miền núi, cần xây dựng một tủ thuốc gồm những thuốc viên thông thường để kịp thời bán cho người ốm bệnh thường trong các hợp tác xã và nhân dân trong thôn hoặc trong bản. Nếu trong thôn hoặc bản ấy, tất cả nông dân, ngư dân, thợ thủ công đều vào các hợp tác xã rồi, thì tủ thuốc của thôn, bản có thể chuyển thành tủ thuốc của các hợp tác xã của thôn, bản ấy.

5. Hiện nay, nhiều xã ở đồng bằng và một số xã ở miền núi đã thành lập trạm y tế, trạm hộ sinh xã theo hình thức dân lập (dựa vào sức đóng góp của dân để xây dựng trạm, mua sắm dụng cụ, thuốc men, nuôi cán bộ y tế phục vụ ở trạm). Đến nay nông dân ở đó đã vào hợp tác xã, thì hình thức dân lập ấy phải dựa vào hợp tác xã. Vì thế nếu xã nào tuyệt đại đa số nông dân, ngư dân, thợ thủ công đã vào các hợp tác xã, thì các hợp tác xã sẽ cùng dài thọ việc nuôi cán bộ, mua sắm dụng cụ, thuốc men, tu sửa trạm (có thể do từng xã viên đóng góp hoặc trích các quỹ công ích của các hợp tác xã).

6. Mỗi hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, tùy hoàn cảnh cụ thể của mình, cần tổ chức nhóm giữ trẻ (theo sự hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ). Ngành Y tế có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn để giữ vệ sinh, phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe cho trẻ em và giải phóng sức sản xuất cho phụ nữ.

7. Công tác y tế trong hợp tác xã là một công tác phúc lợi của xã viên nhằm bảo vệ và nâng cao không ngừng sức khỏe cho xã viên và gia đình xã viên để tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho xã viên. Các Ủy ban hành chính các cấp, các Ban quản trị các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp có nhiệm vụ thi hành nghiêm chỉnh thông tư này.

8. Bộ Y tế hướng dẫn chi tiết thi hành thông tư này.

Hà nội, ngày 25 tháng 3 năm 1960

Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG — TÀI CHÍNH — THỦY LỢI

THÔNG TƯ số 6-LB/TT ngày 5-2-1960
hướng dẫn việc sử dụng kinh phí và định các mức trợ cấp trong công tác đắp đê năm 1960.

Thi hành thông tư số 023-TTg ngày 18-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành chế độ dân công trong công tác đắp đê năm 1960, Liên bộ đã ra thông tư số 5-LB/TT ngày 27-1-1960 để hướng dẫn một số điểm cụ thể.

Nay một số địa phương còn gặp lúng túng trong việc áp dụng mức trợ cấp vào hoàn cảnh cụ thể từng vùng. Liên bộ giải thích cách phân phối kinh phí và định mức trợ cấp sau đây để các khu, tỉnh, thành nghiên cứu thi hành gấp, khỏi trở ngại đến công tác đắp đê.

Chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước trong công tác đắp đê năm 1960 là 10 triệu mét khối đất và 6 triệu đồng kinh phí. Việc sử dụng kinh phí và định các mức trợ cấp nhằm đạt hai mục đích chính:

1. Bảo đảm kế hoạch Nhà nước (khối lượng, chất lượng và thời hạn).
2. Bảo đảm tiền trợ cấp vào tay dân công.

Muốn thế, phải đề ra những nguyên tắc phân phối khối lượng và kinh phí một cách hợp tình hợp lý, mặt khác phải lãnh đạo phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật (dụng cụ, tổ chức) để tăng năng suất.

Thông tư trước (số 5) của Liên bộ có nhấn mạnh tiền trợ cấp đắp đê không được dùng vào công tác khác ngoài công tác đắp đê theo kế hoạch của Trung ương và phải dành phần lớn để thủ lao dân công. Mỗi người đi đắp đê phải được hưởng một số tiền thủ lao nhất định tùy theo khối lượng đất đã thực hiện và không phải bình nghị. Đó là nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động vừa để bảo đảm kế hoạch vừa gây phấn khởi hào hứng đầy mạnh năng suất.

Để bảo đảm tất cả tiền đắp đê đưa xuống hết địa phương, Bộ Thủy lợi căn cứ vào điều kiện đắp đê khó dễ, cao thấp, xa gần của các triền đê mà phân ra 3 mức trợ cấp bình quân:

1. Loại dễ: 1 mét khối, trợ cấp 0d50
2. Loại khó: 1 mét khối, trợ cấp 0d60
3. Loại đặc biệt khó: 1 mét khối, trợ cấp 0d70 và tính toán xét cấp kinh phí tùy theo khối lượng từng loại đê của các khu, tỉnh và thành.

Mỗi khu, tỉnh, thành sẽ căn cứ vào kinh phí được Bộ Thủy lợi cấp, vào khối lượng và điều kiện đắp đê khó, dễ, cao, thấp, gần, xa đúng với thực tế từng vùng, từng nơi trong mỗi triền đê mà phân ra nhiều mức trợ cấp. Nơi nào dễ làm năng suất bình quân cao, thì mức trợ cấp theo thước khối sẽ ít; nơi nào khó làm, năng suất bình quân thấp, thì mức

trợ cấp theo thước khối sẽ nhiều hơn, cứ như thế bù qua sát lại để *bảo đảm cấp phát tối thiểu 83% tổng số kinh phí vào tay dân công* và thu hoạch của mỗi ngày công sẽ tương đương nhau trên các công trường nếu đạt được năng suất bình quân.

Số tiền dành lại cho *mọi khoản gián tiếp phí và quản lý phí* (bao gồm các khoản bồi thường, tuyên truyền thi đua, thuốc men, tai nạn, mua sắm dụng cụ, xe, tàu vận chuyển, khó khăn đột xuất...) không được quá 17% tổng số kinh phí.

Tính toán cân đối và quy định các mức trợ cấp xong thì ở từng công trường phải công bố mức trợ cấp 1 thước khối đất cho dân công biết.

Đối với địa phương nào nhờ công tác chinh trị tốt, sinh hoạt của nhân dân tương đối khá, dân công hăng hái phấn khởi đắp đê bảo đảm khối lượng chất lượng và thời hạn, lại thật sự tự nguyện tự giác không nhận trợ cấp hoặc nhận một mức ít hơn mức trợ cấp đã công bố, thì khu, lĩnh hoặc thành không nên từ chối mà phải báo cáo cho Liên bộ biết, đồng thời phải nộp số kinh phí đòi ra vào công quỹ chứ không được dùng cho địa phương khác hoặc cho việc khác. *Đây là trường hợp hân hũu* và phải dựa trên cơ sở nhiệm vụ đắp đê và các mức trợ cấp đã được công bố rõ ràng, dân công thật sự tự nguyện, tuyệt đối không vận động một cách gò ép.

Các khu tỉnh và thành phải hoàn thành nhiệm vụ tốt để bảo đảm khối lượng chất lượng và thời hạn, nhưng không được xin thêm kinh phí vì Bộ Thủy lợi đã phân phối hết số kinh phí Nhà nước quy định cho công tác đắp đê năm 1960.

Trong quá trình công tác, cán bộ công trường phải ra sức lãnh đạo động viên thi đua và giao khoán cho dân công. Về phần xã và dân công thì phải có trách nhiệm nhận khoán, hăng hái thi đua cải tiến dụng cụ, cải tiến tổ chức và kỹ thuật, tăng hiệu suất lao động để bảo đảm thực hiện vượt mức kế hoạch tỉnh, huyện đã giao cho.

Hà nội ngày 5 tháng 2 năm 1960

K.T. Bộ trưởng Bộ Thủy lợi K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động

Thư trưởng

Thư trưởng

TRẦN QUÝ KIẾN

LÊ MINH HIỀN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

CÁC BỘ

BỘ NÔNG LÂM

CHỈ THỊ số 17-NL/TT/GD ngày 24-3-1960 về việc đẩy thật mạnh công tác tuyên truyền trong đợt thi đua hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất Đông - Xuân.

Kính gửi: các Khu, Sở, Ty Nông lâm, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản.

Căn cứ vào tình hình sản xuất hiện nay, Thủ tướng phủ đã ban hành chỉ thị số 062-TTg ngày 14-3-1960 về việc « nâng cao ý chí phấn đấu quyết tâm hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất Đông—Xuân 1959 — 1960 » và chủ trương *phát động một đợt thi đua rất sôi nổi, thật sâu rộng từ nay đến 15-4-1960.*

Phải làm cho phong trào thi đua thực sự là phong trào của đông đảo quần chúng, động viên toàn thể quần chúng tham gia.

Muốn vậy phải ra sức tuyên truyền, động viên, giáo dục sâu rộng, làm cho quần chúng nông dân thấm nhuần ý nghĩa của phong trào, biến nhận thức thành hành động thực tế.

Thi hành chỉ thị đó của Thủ tướng phủ riêng ngành Nông lâm phải đóng góp phần rất tích cực của mình trong công tác tuyên truyền giáo dục.

I. YÊU CẦU CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG TOÀN ĐỢT

1. Về tư tưởng:

— Phải làm cho toàn thể cán bộ trong ngành, và tìm mọi cách tuyên truyền làm cho các xã viên từng hợp tác xã, tổ đời công nhận thấy rõ đây là một đợt thi đua nước rút, phải hết sức tranh thủ thời gian, hết sức khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sản xuất cho kịp thời vụ để bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhà nước.

— Giải quyết tư tưởng coi nhẹ tính chất pháp lệnh của kế hoạch nhà nước, nâng cao tinh thần chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch.

— Đánh thông những tư tưởng hiện còn mắc mứu giữa hợp tác xã với nhà nước.

— Chống tư tưởng bảo thủ và các tư tưởng chủ quan, bi quan.

2. Công tác tuyên truyền phải phổ biến nhanh chóng và đến tận hợp tác xã các nhiệm vụ và chủ trương sản xuất trong đợt này theo đúng phương châm toàn diện, vượt bậc, vững chắc:

Nhiệm vụ sản xuất trong đợt thi có nhiều mặt, nhưng phải nắm vững 3 nhiệm vụ chính:

— Đẩy mạnh việc tăng năng suất lúa và những cây đã trồng.